

Số: 5406/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 04 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá ngoài danh mục Trung ương quy định; phân cấp thông báo tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; phân công hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 808/TTr-STC ngày 19/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Lào Cai ngoài danh mục Trung ương quy định tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 149/2016/NĐ-CP) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá (sau đây gọi tắt là Nghị định số 177/2013/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Đá xây dựng (đá hộc, đá xay các loại), cát, sỏi; Sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (đá ốp, lát, đá xẻ các loại).

2. Gạch xây (gạch đất nung, gạch không nung); Gạch ốp, lát các loại.

3. Khung nhôm, vách ngăn, cửa các loại (sản xuất từ nhôm, sắt, nhựa, lõi thép...).

4. Tấm lợp các loại, ngói các loại (Pro xi măng, onduline, sản xuất từ đá, tấm Aluminium, tấm lợp kim loại, tấm compact các loại,...)
5. Dây điện, cáp điện các loại.
6. Ống nước các loại (Sắt, nhựa, bê tông...).
7. Cột điện bê tông; ống cống bê tông đúc sẵn; bê tông thương phẩm.
8. Sơn các loại.
9. Sản xuất, kinh doanh cây giống nông lâm nghiệp; con giống; hạt giống; cây ăn quả; cây dược liệu; cây xanh phục vụ cho các dự án đầu tư xây dựng công trình.
10. Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa; dịch vụ bến, bãi tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai, Ga Lào Cai và các bến bãi thuộc các cửa khẩu phụ và tiểu ngạch (đường bộ và đường sông).
11. Vé thăm quan du lịch tại các địa điểm trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Trừ dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật phí, lệ phí).
12. Kinh doanh lưu trú du lịch.
13. Dịch vụ kinh doanh lữ hành.
14. Dịch vụ đấu giá (thù lao dịch vụ đấu giá).
15. Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
16. Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.
17. Giá dịch vụ giáo dục mẫu giáo, mầm non tại cơ sở giáo dục tư nhân.
18. Cước vận chuyển hành khách bằng ô tô điện.
19. Vé giường nằm tàu hỏa thuộc tuyến đường sắt Lào Cai – Hà Nội.
20. Giá cước vận tải bằng xe ô tô (Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô).

21. Giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ:

- a) Dịch vụ tại bến xe ô tô: Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá; Giá dịch vụ cho thuê nơi đỗ xe ô tô qua đêm; Giá dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh trong bến xe; Giá dịch vụ khác tại bến xe,..
- b) Dịch vụ bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đại lý vận tải, đại lý bán vé, dịch vụ thu gom hàng, dịch vụ chuyển tải, dịch vụ kho hàng, dịch vụ cứu hộ vận tải đường bộ.

Điều 2. Phân cấp thông báo tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương.

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính thông báo danh sách đối với các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải thực hiện đăng ký giá (khi nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá), kê khai giá có

trụ sở hoặc chi nhánh, đại lý (cả chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá và không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) đóng trên địa bàn tỉnh (Trừ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc danh sách đăng ký giá, kê khai giá ở trung ương), trên cơ sở các cơ quan đơn vị (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các Sở quản lý chuyên ngành) cung cấp danh sách.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo đề nghị của Sở Tài chính, sở quản lý chuyên ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, thông báo theo quy định.

2. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thông báo danh sách đối với các cơ sở, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải thực hiện đăng ký giá (khi nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá), kê khai giá có trụ sở hoặc chi nhánh, đại lý (cả chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá và không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) đóng trên địa bàn huyện, thành phố.

Phòng Tài chính – Kế hoạch và các phòng chuyên môn có liên quan có trách nhiệm tham mưu cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện, thành phố danh sách đối với các cơ sở, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

Điều 3. Phân công hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức Bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1, Điều 3 và văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a (điểm a trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá), b, c, d, đ, e, i, o khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP) và một số danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, Điều 1 Quyết định này.

2. Sở Giao thông vận tải chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá đối với các tổ chức do Sở Tài chính thông báo, đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, h, k, m, p khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP và một số danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 18, 19, 20, 21 Điều 1 quy định này.

3. Sở Công thương chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá đối với các tổ chức do Sở Tài chính thông báo, đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2014/NĐ-CP và điểm n, khoản 9, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

4. Sở Y tế chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá đối với các tổ chức do Sở Tài chính thông báo, đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l, khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2014/NĐ-CP và điểm 1, khoản 9, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP.

5. Các sở quản lý chuyên ngành thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá, đồng thời hướng dẫn các tổ chức phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá gửi Sở Tài chính một (01) bộ Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá để theo dõi, giám sát;

6. UBND các huyện, thành phố giao cho Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá (khi nhà nước áp dụng các biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá), văn bản kê khai giá của các cơ sở, cá nhân thuộc đối tượng phải đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn huyện, thành phố thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

Điều 4. Nội dung, cách thức thực hiện đăng ký giá, kê khai giá.

1. Cách thức thực hiện đăng ký giá, kê khai giá; Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5, Điều 6 (đối với đăng ký giá), Điều 15, Điều 16 (đối với kê khai giá) Thông tư số 56/2014/TT-BTC và quy định tại Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá thực hiện theo đúng quy định tại Điều 7 (đối với đăng ký giá) Điều 17 (đối với kê khai giá) Thông tư số 56/2014/TT-BTC và quy định tại Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

3. Phương thức thông báo đến các tổ chức, cơ sở, cá nhân thuộc diện thực hiện đăng ký giá, kê khai giá: Gửi văn bản giấy hoặc thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành danh mục phải thực hiện kê khai cước vận tải bằng ô tô và danh mục dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

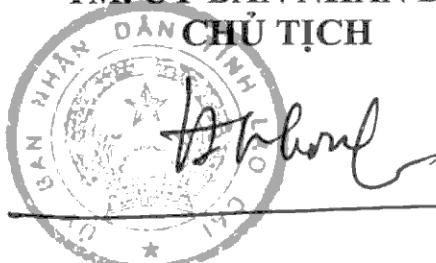
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao & Du lịch; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính (B/c);
- Như Khoản 2 Điều 5 QĐ;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Cổng TTĐT tỉnh B亞 Lào Cai;
- Lưu: VT, TH2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong